

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2018
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1981, (có mặt).

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn GD, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Mai Văn G, sinh năm: 1981, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 16, ấp TV, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh;

Tạm trú: Ấp TV1, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn G chung sống với nhau vào tháng 12-2011, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho 01 sợi dây 02 chỉ vàng 24 K, 01 lắc tay 02 chỉ vàng 24 K, 01 cặp nhẫn cưới vàng 18 K nhưng hiện nay không còn do anh chị đã bán để trả nợ. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP. Sau khi cưới, anh chị thuê nhà trọ sống tại thị trấn GD, đến năm 2014 anh chị về cất nhà ở tại ấp TV1, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Từ khi chung sống, anh chị thương xuyên cãi nhau do anh G không lo làm ăn mà cờ bạc, thường xuyên đi chơi về trễ, chị có góp ý thì vợ chồng cãi nhau và anh G bỏ nhà đi. Tháng 02/2017, anh chị cãi nhau nên anh G đánh và đuổi chị đi, anh chị sống ly thân từ đó

cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không gặp nhau và không ai muốn hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Một căn nhà tường diện tích ngang 08 m x dài 24 m cất trên phần đất do anh chị mua của chị chồng mà chưa làm thủ tục sang tên tọa lạc tại ấp TV1, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, hiện anh G đang quản lý. Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Mai Văn G: Anh G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chị D đã thực hiện đúng riêng anh G không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D; về con chung, chị D khai không có nên không giải quyết; về tài sản chung, chị D không yêu cầu nên không giải quyết và nợ chung chị D khai không có nên không giải quyết. Nếu sau này anh G có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Mai Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh G chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị D yêu cầu ly hôn, nguyên nhân do anh G cờ bạc, thường xuyên đi chơi về trễ và đánh chị. Chị khuyên nhiều lần nhưng anh G vẫn không thay đổi và anh chị sống ly thân từ tháng 02-2017 cho đến nay. Xét thấy, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh G vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, cũng như trong thời gian sống ly thân anh không đến gặp chị D để bàn bạc hàn gắn gia đình, chứng tỏ anh G không thể hiện thiện chí để đoàn tụ. Như vậy có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị D và anh G lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Chị D khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị D đối với Mai Văn G. Chị Trương Thị D được ly hôn với anh Mai Văn G.

2. Về con chung: Không có nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0012679 ngày 23-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui